

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành mức thu phí qua đò tại các bến khách ngang sông
trên địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành Khung mức thu phí qua đò tại các bến khách ngang sông trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 9547/STC-BVG-2 ngày 25 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu phí qua đò tại các bến khách ngang sông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo như các phụ lục đính kèm như sau:

- Phụ lục 1: Mức thu phí qua đò tại bến khách Lương Văn Cang, quận 8;
- Phụ lục 2: Mức thu phí qua đò tại bến khách Hội Đồng, phường 15, quận 8;
- Phụ lục 3: Mức thu phí qua đò tại bến Rạch Cát Sau, quận 8;
- Phụ lục 4: Mức thu phí qua đò tại bến Đình Bình Đông, quận 8;
- Phụ lục 5: Mức thu phí qua đò tại bến Đình Ông, phường 15, quận 8;
- Phụ lục 6: Mức thu phí qua đò tại bến Đá, quận 8;
- Phụ lục 7: Mức thu phí qua đò tại bến Hợp tác xã Phước Bình Mỹ, quận 9;
- Phụ lục 8: Mức thu phí qua đò tại bến An Phú Đông, quận 12;
- Phụ lục 9: Mức thu phí qua đò tại bến Miếu Nôi, phường 15, quận Gò Vấp;
- Phụ lục 10: Mức thu phí qua đò tại bến Bình Quới, quận Bình Thạnh;
- Phụ lục 11: Mức thu phí qua đò tại bến Tân Nhật - Tân Bửu, huyện Bình Chánh;
- Phụ lục 12: Mức thu phí qua đò tại bến Ấp 2, Tân Túc - Tân Nhựt, huyện Bình Chánh;
- Phụ lục 13: Mức thu phí qua đò tại bến Bình Lợi, huyện Bình Chánh;
- Phụ lục 14: Mức thu phí qua đò tại bến Ấp 3, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè;
- Phụ lục 15: Mức thu phí qua đò tại bến Ấp 4, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè;
- Phụ lục 16: Mức thu phí qua đò tại bến Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè;
- Phụ lục 17: Mức thu phí qua đò tại bến (hộ Phan Văn Bá) Ấp 3 - 4, Hiệp Phước, huyện Nhà Bè;

- Phụ lục 18: Mức thu phí qua đò tại bến An Thới Đông - Hiệp Phước, huyện Cần Giờ;
- Phụ lục 19: Mức thu phí qua đò tại bến An Thới Đông - Dơi Lầu - Hiệp Phước, huyện Cần Giờ;
- Phụ lục 20: Mức thu phí qua đò tại bến Vàm Sát - Rạch Cát, huyện Cần Giờ;
- Phụ lục 21: Mức thu phí qua đò tại bến Vàm Sát - Tân Tập, huyện Cần Giờ;
- Phụ lục 22: Mức thu phí qua đò tại bến Rạch Lá, huyện Cần Giờ;
- Phụ lục 23: Mức thu phí qua đò tại bến Bà Lụa, huyện Củ Chi;
- Phụ lục 24: Mức thu phí qua đò tại bến Bình Mỹ, huyện Củ Chi;
- Phụ lục 25: Mức thu phí qua đò tại bến Thầy Tám Tắc, huyện Củ Chi;
- Phụ lục 26: Mức thu phí qua đò tại bến Cá Lăng, huyện Củ Chi;
- Phụ lục 27: Mức thu phí qua đò tại bến Cây Me, huyện Củ Chi;
- Phụ lục 28: Mức thu phí qua đò tại bến Bò Cạp, huyện Củ Chi;
- Phụ lục 29: Mức thu phí qua đò tại bến Rạch Bắp, huyện Củ Chi;
- Phụ lục 30: Mức thu phí qua đò tại bến Dòng Sỏi, huyện Củ Chi.

Đối với những bến đò khách ngang sông có điều kiện, giao Ủy ban nhân dân các quận, huyện địa bàn liên quan vận động chủ bến, chủ đò miễn thu phí qua đò đối với học sinh, sinh viên đi học.

Điều 2. Quản lý và sử dụng nguồn thu phí qua đò

1. Chứng từ thu phí:

Tổ chức, cá nhân thu phí phải lập và cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp phí, lệ phí qua đò theo đúng quy định của Bộ Tài chính về chế độ phát hành, quản lý, sử dụng chứng từ.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng hóa đơn tự in phải có văn bản đề nghị cơ quan thuế có thẩm quyền giải quyết theo chế độ quy định.

2. Quản lý và sử dụng nguồn thu phí:

Tổ chức, cá nhân thực hiện theo nguyên tắc hạch toán, tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả thu phí.

Tiền thu phí được xác định là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu phí. Tổ chức,

cá nhân thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, tổ chức, cá nhân thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được cùng với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

3. Công khai chế độ thu phí:

Tổ chức, cá nhân thu phí phải niêm yết giá vé và thông báo công khai tại địa điểm thu phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp phí dễ nhận biết theo quy định tại Mục Đ, Phần IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính, bao gồm: Tên phí, mức thu, chứng từ thu, văn bản quy định thu phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2013.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân các quận, huyện địa bàn có bến đò khách ngang sông thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thu, nộp phí qua đò của các bến đò trên địa bàn phụ trách theo quy định; đề xuất điều chỉnh mức thu (nếu có) tại các bến khách ngang sông trên địa bàn phụ trách, gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm tra.

Giao Sở Tài chính xem xét, thẩm tra đề xuất của Ủy ban nhân dân các quận, huyện (nếu có) về điều chỉnh mức thu phí qua đò phù hợp với tình hình thực tế từng thời điểm, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

Phụ lục 1
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
LƯƠNG VĂN CANG, QUẬN 8

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	3.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 2
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
HỘI ĐỒNG, PHƯỜNG 15, QUẬN 8

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	3.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 3
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
RẠCH CÁT SAU, QUẬN 8

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	3.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 4
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
ĐÌNH BÌNH ĐÔNG, QUẬN 8

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
Hành khách	3.000 đồng/lượt người

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 5
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
ĐÌNH ÔNG, PHƯỜNG 15, QUẬN 8

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
Hành khách	5.000 đồng/lượt người

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 6
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
BẾN ĐÁ, QUẬN 8

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	3.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 7**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
HỢP TÁC XÃ ĐÒ KHÁCH PHƯỚC BÌNH MỸ, QUẬN 9**

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
Hành khách	5.000 đồng/lượt người

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 8
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
AN PHÚ ĐÔNG, QUẬN 12

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	1.500 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	2.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	1.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 9**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
MIẾU NỘI, PHƯỜNG 15, QUẬN GÒ VẤP**

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
Hành khách	5.000 đồng/lượt người

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 10
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
BÌNH QUỚI, QUẬN BÌNH THẠNH

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	3.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	4.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 11**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
TÂN NHẬT - TÂN BỬU, HUYỆN BÌNH CHÁNH**

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	500 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	500 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	2.500 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 12**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
ẤP 2 TÂN TỨC - TÂN NHỰT, HUYỆN BÌNH CHÁNH**

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	3.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 13
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
BÌNH LỢI, HUYỆN BÌNH CHÁNH

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	3.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 14**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG****ẤP 3 - XÃ PHƯỚC LỘC, HUYỆN NHÀ BÈ**

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	3.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 15**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG****ẤP 4 - XÃ PHƯỚC LỘC, HUYỆN NHÀ BÈ**

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	3.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	4.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 16
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
ẤP 3 - XÃ HIỆP PHƯỚC, HUYỆN NHÀ BÈ
(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 17**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
ẤP 3, 4 - XÃ HIỆP PHƯỚC (PHAN VĂN BÁ), HUYỆN NHÀ BÈ**

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	3.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 18**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
AN THỚI ĐÔNG - HIỆP PHƯỚC, HUYỆN CẦN GIỜ**

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	3.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	6.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	9.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	6.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 19**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG AN THỚI ĐÔNG - ĐOI LẦU - HIỆP PHƯỚC, HUYỆN CẦN GIỜ-**

(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	6.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	8.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	6.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 20
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
VÀM SÁT - RẠCH CÁT, HUYỆN CẦN GIỜ
(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	12.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	12.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	20.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	8.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 21**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
VÀM SÁT - TÂN TẬP, HUYỆN CẦN GIỜ**

(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	5.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	5.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	14.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	9.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 22
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
RẠCH LÁ, HUYỆN CẦN GIỜ

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
Hành khách	2.000 đồng/lượt người

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 23
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
BÀ LỰA, HUYỆN CỬ CHI

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	3.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 24
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
BÌNH MỸ, HUYỆN CỬ CHI

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	2.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	1.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 25**MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
THẦY TÁM TẮC, HUYỆN CỬ CHI**

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	3.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	4.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 26
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
CÁ LĂNG, HUYỆN CỬ CHI

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	3.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	6.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	5.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 27
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
CÂY ME, HUYỆN CỬ CHI

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	1.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	5.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	4.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 28
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
BÒ CẠP, HUYỆN CỬ CHI

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	4.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 29
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
RẠCH BẮP, HUYỆN CỬ CHI

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	4.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 30
MỨC THU PHÍ QUA ĐÒ TẠI BẾN KHÁCH NGANG SÔNG
DÒNG SỎI, HUYỆN CỬ CHI

*(Ban hành kèm Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nội dung	Mức thu
- Hành khách	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe đạp	2.000 đồng/lượt người
- Hành khách và xe máy	4.000 đồng/lượt người
- Hàng hóa từ 50kg trở lên	2.000 đồng/lượt
Đối với hàng hóa công kênh thì mức thu có thể cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu đối với hàng hóa bình thường.	

Miễn giảm 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí theo khung giá nêu trên đối với học sinh, sinh viên đi học.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ